

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
16	Tiếng Anh I	English I	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
17	Tiếng Anh II	English II	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			112									
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			31									
18	Đồ họa kỹ thuật I	Technical Graphics I	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2		2							
19	Đồ họa kỹ thuật II	Technical Graphics II	DRAW324	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
20	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2			2						
21	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1			1						
22	Cơ học cơ sở I	Engineering Mechanics I	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3		3							
23	Cơ học cơ sở II	Engineering Mechanics II	MECH224	Cơ học kỹ thuật	3			3						
24	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	FLME214	Thủy lực	3				3					
25	Sức bền vật liệu I	Strength of Materials I	CE214	Sức bền - Kết cấu	3				3					
26	Sức bền vật liệu II	Strength of Materials II	CE325	Sức bền - Kết cấu	2				2					
27	Địa chất công trình	Engineering Geology	GEOT214	Địa kỹ thuật	2				2					
28	Thực tập địa chất công trình	Practice of Engineering Geology	GEOT224	Địa kỹ thuật	1				1					
29	Cơ học kết cấu I	Mechanics of Engineering Structures I	CE315	Sức bền - Kết cấu	3					3				
30	Cơ học kết cấu II	Mechanics of Engineering Structures II	CE326	Sức bền - Kết cấu	2					2				
31	Thống kê trong kỹ thuật	Statistics in Engineering	STEN212	Thủy văn và Tài nguyên nước	2			2						
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			22									
32	Vật liệu xây dựng	Civil Engineering Materials	CE316	Vật liệu xây dựng	3				3					
33	Cơ học đất	Soil Mechanics	GEOT325	Địa kỹ thuật	3					3				
34	Nền móng	Foundation Engineering	GEOT317	Địa kỹ thuật	2						2			
35	Thủy lực công trình	Hydraulics Engineering	HYDR325	Thủy lực	3					3				
36	Thủy văn công trình	Engineering Hydrology	HYDR346	Thủy văn và tài nguyên nước	3					3				
37	Kỹ thuật điện	Introduction to Electrical Engineering	EGN316	Kỹ thuật điện, điện tử	3					3				

[illegible]

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
11	Kỹ năng chỉ đạo dự án xây dựng	Leader Ship Skill for Engineering	CET497	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
12	Thiết kế công trình ngầm	Design of Underground Structures	GEOT428	Địa kỹ thuật	2								2	
13	Đồ án nền móng	Project Of Foundation Engineering	GEOT327	Địa kỹ thuật	1								1	
14	Máy bơm và trạm bơm	Pump and Pumping Stations	PSD448	Kỹ thuật hạ tầng	3						3			
	Tổng cộng (I + II)	Total (I + II)			155	13	17	20	19	19	19	19	16	13